TUẦN 21(24- 28/01/2022)

PHÂN MÔN SỬ

BÀI 13: GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HÓA Ở ĐÔNG NAM Á

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức :

Thông qua bài học, HS nắm được: Mối liên hệ giữa khu vực Đông Nam Á với thế giới bên ngoài từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Kĩ năng:

-Kĩ năng đọc bản đồ (chỉ ra con đường quốc tế trên vùng biển Đông Nam Á trước thế kỷ X)

-Trình bày được con đường giao thương trên biển ở khu vực Đông Nam Á.

- Hiểu được ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với phát triển lịch sử của khu vực trong 10 thế kỷ đầu công nguyên

- Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa đối với khu vực trong mười thế kỷ đầu Công nguyên.

3. Thái độ :

- Từ sự thật lịch sử về con đường giao thương và giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á, giáo dục chủ quyền biển đảo cho học sinh.

- Giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hóa (học hỏi, hòa nhập, không thôn tính, không xâm lược).

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Quá trình giao lưu thương mại: HS tự học

- Em hãy mô tả con đường mà thương nhân nước ngoài đi qua vùng biển Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?

- Quan sát hình 13.1,13.2, 13.3 sách giáo khoa trang 168 trả lời câu hỏi:

+ Những hiện vật trong các tư liệu này là minh chứng cho việc một số nơi ở Đông Nam Á đã có hoạt động buôn bán, có sự hiện diện của thương nhân nước ngoài những thế kỉ đầu Công nguyên?

2. Quá trình giao lưu văn hóa:HS tự học

- HS đọc thông tin mục II và quan sát hình 13.6, 13.7, 13.8, trả lời câu hỏi:

+ Em hãy nhận xét về quá trình giao lưu văn hóa ở khu vực Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?

III. DẶN DÒ

- Theo nội dung hướng dẫn mục 1,2 các em thực hiện nhiệm vụ tự học.
- Học bài đề cương ôn tập phần tự luận câu 1, 2, 3 phân môn Sử.

Tuần 21: 24-28/01/2022

PHÂN MÔN ĐỊA
BÀI 18. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG (tiết 1)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định trên bản đồ các đại dương thế giới.

- Nêu được sự khác biệt giữa nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

- Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác:Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực riêng:

+ Sử dụng lược đồ, bản đồ để xác định vị trí các đại dương, dòng biển.

+ Nhận biết hiện tượng thủy triều qua hình ảnh.

3. Phẩm chất

Có ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

B. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Các đại dương trên Trái Đất.

- Quan sát lược đồ H18.1 trang 173 Sách giáo khoa.

+ Kể tên các đại dương và đặc điểm của các đại dương.

+ Đại dương nào có diện tích lớn nhất? Đại dương nào có diện tích nhỏ nhất?

+ Xác định vị trí các đại dương trên lược đồ. Cho biết mỗi đại dương tiếp giáp với lục địa nào? (Hoàn thành phiếu học tập số 1)

Đại dương	Tiếp giáp các châu lục và đại dương			
	Phía Bắc	**Phía Đông**	**Phía Nam**	**PhíaTây**
Thái Bình Dương				
Đại Tây Dương				
Ấn Độ Dương				
Bắc Băng Dương				

II. Nhiệt độ, độ muối của biển và đại dương: HS tự học.

- Cho biết sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới với vùng biển ôn đới?

- Giải thích tại sao có sự khác biệt như vậy?

- Độ muối do đâu mà có?

- Độ muối trung bình của nước biển là bao nhiêu ?

C. BÀI GHI

I. Các đại dương trên Trái Đất.

Gồm 4 đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

D. DẶN DÒ

- Ghi bài vào tập

- Học bài.

- Chuẩn bị bài 18 mục 3. Sự vận động của nước biển và đại dương.

+ Biển có những hình thức vận động nào?

+ Trình bày khái nhiệm sóng và sóng thần? Cho biết nguyên nhân hình thành hai loại sóng này?

+ Trình bày khái niệm về hiện tượng thủy triều là gì?

+ Cho biết thế nào là triều cường? Thế nào là triều kém?

+ Xác định thời điểm xảy ra triều cường và thời điểm xảy ra triều kém.